

Bản án số: 09/2021/DS-PT

Ngày: 19/3/2021

V/v tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Đoàn

Các Thẩm phán: Bà Bạch Thị H Hoa

Ông Vũ Văn Túc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký TAND tỉnh Hoà Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm Z khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 36/2020/TLPT – DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc kiện “Tranh chấp thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

I/ Nguyên đơn:

1/ Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1956; Địa chỉ: thôn M, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hòa Bình.

2/ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1953; Địa chỉ: xóm Miêu, xã T, thành phố Hòa Bình.

3/ Anh Nguyễn Thanh Bình và mẹ đẻ là Đinh Thị Lưu, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp S, xã An Phước huyện Long Thành, Đồng Nai.

4/ Bà Nguyễn Thị Thành, sinh năm 1963; Địa chỉ: xóm Q, xã T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

5/ Ông Nguyễn Văn Z, sinh năm 1965; Địa chỉ: thị trấn Kỳ Sơn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

6/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp S, xã An Phước huyện Long Thành, Đồng Nai.

Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Thành, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thanh Bình, bà Đinh Thị Lưu, ông Nguyễn Văn Z: Ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh D tham gia tố tụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn: Ông Trần Dũng N – Trưởng văn phòng luật sư Trần Dũng N – Đoàn luật sư tỉnh Hòa Bình. Địa chỉ: Phường Tân Thịnh, Tp Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.

II/ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961; ĐKHKT: xóm Miêu, xã T (nay là Tổ dân phố Miêu, phường T), thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

* Người đại D theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn F. ĐKHKT: Thôn 7, C, Quốc Oai, Hà Nội;

III/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Vợ và các con, các thành viên khác trong gia đình ông Nguyễn Văn T gồm:

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1962;
- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988;
- Anh Nguyễn N O, sinh năm 1992;

Cùng ĐKNKT tại xóm Q, xã T (Tổ dân phố Q, phường T), thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị V: Ông Nguyễn Văn F - Luật sư Văn phòng Luật sư Hương F thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Thôn 7, C, Quốc Oai, Hà Nội.

2/ Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình thông qua người đại D theo pháp luật là Chủ tịch UBND thành phố.

3/ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hòa Bình thông qua người đại D theo pháp luật là Giám đốc chi nhánh.

4/ Tập đoàn G, địa chỉ: 36 O Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và chi nhánh tập đoàn tại Hòa Bình là: Z ty Cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội tại Hòa Bình, Địa chỉ: Phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

* Đại D theo ủy quyền là ông Nguyễn Quốc Hòa, sinh năm 1974, địa chỉ: Tổ dân phố Lò, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

Tại phiên tòa có mặt Ông Nguyễn Thanh D, luật sư Trần Dũng N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn F, bà Nguyễn Thị Thành, bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn N O.

Chủ tịch UBND thành phố Hoà Bình, bà Đinh Thị Lưu, ông Nguyễn Thanh Bình, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Quốc Hoà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn Z vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh D tham gia tố tụng;

Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hòa Bình có văn bản từ chối tham gia phiên tòa (Tại bút lục 284)

Các đương sự khác vắng mặt mặt dù đã được triệu tập phiên tòa hợp pháp nhiều lần.

Người kháng cáo: Nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh D; Bị đơn là ông Nguyễn Văn T; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn N O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung thể hiện như sau:

Các nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn J sinh năm 1920, bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1930 là bố mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Thanh D, ông Nguyễn Văn Thanh, bà Nguyễn Thị Thành, ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T.

Từ năm 1970 đến năm 1972, ông J, bà R khai hoang được thửa đất số 34, 35 tờ bản đồ 08 tại xóm Miêu, xã T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình với tổng D tích còn lại cho đến nay là 8.366m². Đất sử dụng ổn định không có tranh chấp. Ngày 06/02/1980, ông J chết; ngày 02/3/2009 bà R chết nhưng không để lại di chúc và chưa phân chia đất này cho ai. Đến năm 2016 khi có D án sân golf T và đất thuộc D thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng thì ông Nguyễn Văn T cho rằng, gia đình ông T đã được UBND huyện Kỳ Sơn trước đây (Nay là thành phố Hòa Bình) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 34,35 nêu trên, do đó đây là tài sản của gia đình ông T, không đồng ý chia cho ai. Khi đó, các thành viên khác trong gia đình mới biết, ông T đã tự ý kê khai, lập hồ sơ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cha mẹ để lại, nên làm đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật; Trường hợp khởi kiện chia thừa kế đã hết thì đề nghị chia tài sản thuộc sở hữu chung theo quy định của Pháp luật.

Các nguyên đơn đề nghị Tòa chia thừa kế theo pháp luật nhưng đề nghị xem xét chia cho ông Nguyễn Văn T phần nhiều hơn vì có Z nuôi dưỡng cha mẹ. Phần còn lại (Sau khi đã trừ đi phần chia cho ông T) đề nghị chia đều cho các đồng thừa kế khác. Riêng ông Nguyễn Văn Thanh (Con trai của ông J, bà R) đã chết năm 2004, có vợ là Đinh Thị Lưu và con trai là Nguyễn Thanh Bình (Tên gọi khác: Nguyễn Văn Bình) nên đề nghị xác định anh Bình là người thừa kế thế vị của ông Thanh và chia cho anh Bình một phần bằng với phần di sản chia cho các ông bà D, D, Thành, Z, H. Đề nghị giao toàn bộ thửa 34,35 tờ bản đồ 08 tại xóm Miêu, xã T cho ông Nguyễn Thanh D quản lý, sử dụng; ông D có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế khác phần di sản họ được hưởng bằng tiền mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T và người đại D theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn F trình bày:

Thửa đất số 34,35 tờ bản đồ 08 tại xóm Miều, xã T, thành phố Hòa Bình là đất do ông T tự khai hoang mà có, không phải đất của cha mẹ (Ông J, bà R) để lại, do đó không phải là di sản thừa kế; không chấp nhận chia thừa kế theo pháp luật như các nguyên đơn yêu cầu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T, ông F giữ nguyên quan điểm đã nêu và bổ sung thêm hai yêu cầu là:

- Yêu cầu nhập vụ án bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng mà tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình đã thụ lý số 30/2019/TLST-DS ngày 17/4/2019 (Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T, bị đơn là tập đoàn G) với vụ án này để giải quyết theo thẩm quyền;

- Áp dụng quy định về thời hiệu quy định tại điều 623 BLDS năm 2015 khi xem xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với phần di sản ông Nguyễn Văn J để lại, vì đến nay đã quá 30 năm kể từ thời điểm ông J chết.

Tập đoàn G trình bày ý kiến:

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo pháp luật và cứ phân chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế theo pháp luật. Khi Tòa tuyên giao đất cho ai quản lý, sử dụng thì tập đoàn G sẽ thỏa thuận bồi thường D án đối với người đó. Đề nghị không nhập vụ án dân sự sơ thẩm đã thụ lý số 30/2019/TLST-DS ngày 17/4/2019 với vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS - ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình Quyết định:

Áp dụng các điều 623, 649, 650, 651, 652, 660, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội; Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990; khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30-6-2016 và Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, nay tuyên xử như sau:

I/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thanh Bình (Tức Nguyễn Văn Bình), Đinh Thị Lưu, Nguyễn Thị Thành, Nguyễn Văn Z, Nguyễn Thị H; Chia di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn J, bà Nguyễn Thị R để lại như sau:

1. Chia cho ông Nguyễn Văn T 30% giá trị di sản thừa kế quy đổi bằng tiền như sau:

120m² đất ở x 3.000.000 đồng/m² = 360.000.000 đồng;

2.389,8 m² đất vườn, ao x 200.000 đồng/m² = 477.960.000 đồng;

Tổng cộng Ông T được hưởng là 837.960.000 đồng (*Tám trăm ba mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*)

2. Đối với 70% di sản thừa kế còn lại, (280m² đất ở x 3.000.000 đồng/m² = 840.000.000 đồng; 5.576,2m² đất vườn, ao x 200.000 đồng/m² = 1.115.240.000 đồng) nay chấp nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn, chia đều cho các nguyên đơn mỗi người một phần bằng nhau như sau:

- Ông Nguyễn Thanh D được hưởng 325.873.000 đồng (*Ba trăm hai mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng*);

- Bà Nguyễn Thị D được hưởng 325.873.000 đồng (*Ba trăm hai mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng*);

- Ông Nguyễn Thanh Bình (tức Nguyễn Văn Bình) được hưởng: 325.873.000 đồng (*Ba trăm hai mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng*);

- Bà Nguyễn Thị Thành được hưởng: 325.873.000 đồng (*Ba trăm hai mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng*);

- Ông Nguyễn Văn Z được hưởng: 325.873.000 đồng (*Ba trăm hai mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng*);

- Bà Nguyễn Thị H được hưởng 325.873.000 đồng (*Ba trăm hai mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng*);

3. Giao cho ông Nguyễn Thanh D quyền quản lý, sử dụng đối với toàn bộ thửa đất số 34,35 tờ bản đồ 08 tại xóm Miều, xã T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Ông Nguyễn Thanh D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T 837.960.000 đồng (*Tám trăm ba mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*) đã tuyên trong quyết định này.

Ông Nguyễn Thanh D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Thanh Bình, bà Nguyễn Thị Thành, ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị H mỗi người 325.873.000 đồng (*Ba trăm hai mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) như đã tuyên trong quyết định này.

4. Kiến nghị UBND thành phố Hòa Bình; Cơ quan có thẩm quyền hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Kỳ Sơn (Trước đây) cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T (Cấp ngày 27/9/2000; vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00383QSDĐ/KS).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09/10/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình ban hành Thông báo đính chính bản án số 12/2020/TB-TA, nội dung đính chính bản án phần quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể “ Các đương sự Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thanh Bình (tức Nguyễn Văn Bình), Nguyễn Thị Thành, Nguyễn Văn Z, Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 16.293.600 đồng, ông Nguyễn Thanh D được đối trừ 1.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại

Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hoà Bình, theo biên lai thu tiền số 0003036 ngày 21/02/2017”

Ngày 10/10/2020 Nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 17/3/2021 Nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh D có đơn rút toàn bộ kháng cáo.

Ngày 06/10/2020, Bị đơn là ông Nguyễn Văn T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn N O có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 02/2/2021 Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình nhận được đơn yêu cầu đo đạc và định giá lại tài sản của ông Nguyễn Văn F.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn N O giữ nguyên kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V trình bày: Thừa nhận ông J, bà R có Z khai hoang D tích đất 3.609 m² (thửa số 34) nên đồng ý chia D tích đất này và yêu cầu giao đất cho ông T quản lý, sử dụng do hiện nay ông T không có chỗ ở, yêu cầu chia có cả phần của bà V, xem xét Z chăm sóc bà R của bà V, đối với D tích đất còn lại trong D tích đất 8.366m² là của vợ chồng nên không đồng ý chia.

Anh Nguyễn N O trình bày: Yêu cầu Toà án huỷ án sơ thẩm vì sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung, thửa đất số 34, 35 là của bố mẹ anh, ông J bà R không khai hoang được D tích đất 8.366m².

Người đại D theo uỷ quyền của ông T và là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà V - Ông Nguyễn Văn F là trình bày: Từ năm 1987 bà V về làm dâu chăm sóc bà R và cùng ông T khai hoang phục hoá được D tích đất 8.366m², việc ông T được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với D tích đất này là phù hợp với sổ mục kê, phù hợp với thực tế và lời khai của người làm chứng. Ông T bà V đã xây Dng nhà hai tầng để ở và thờ cúng bố mẹ, nhưng sân golf đã đập phá và đã bồi thường số tiền 280 triệu đồng cho ông T, sau đó ông bà xây Dng một ngôi nhà lợp tôn để ở nuôi gà, nuôi cá, trồng cây nhưng sơ thẩm không xem xét. Tại phiên tòa ông T đồng ý chia D tích đất 3.609 m² được cấp bìa năm 1991 cho các đồng thừa kế và nguyện vọng Mồn được ở đất này, đồng thời yêu cầu chia có cả phần bà V và tính đến Z chăm sóc mẹ chồng của bà V. Ông F không yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm, mà yêu cầu sửa bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự vì vụ án này kéo dài đã lâu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn Luật sư Trần Dũng N trình bày: Anh T sinh năm 1961, năm 1972 anh T mới được 12 tuổi, không thể khai hoang phục hoá được đất, tất cả lời khai của người làm chứng do nguyên đơn, bị đơn yêu cầu triệu tập đến phiên tòa đều khẳng định ông J bà R là

người khai hoang phục hóa D tích đất đang tranh chấp. Trước đây anh T khai vợ tôi chưa bao giờ khai hoang đất, anh T không chia đất cho ai nhưng nay lại thừa nhận ông J, bà R có khai hoang D tích đất 3.609m² và đồng ý chia D tích đất này, tôi cho rằng lời khai của ông T là bất nhất. Việc cấp sơ thẩm giao đất cho ông D quản lý, quyết định là hợp lý vì hiện nay đất tranh chấp đã nằm trong khu quy hoạch của Ban quản lý D án sân golf, sân golf đã đi vào hoạt động và Ban quản lý D án sân golf đã Ln phương án bồi thường số tiền là 2.793.200.000 đồng, hơn nữa ông D là anh trai cả trong 07 anh chị em, ông là người quy tụ được anh em, nếu giao đất cho anh T quản lý thì anh T sẽ không hợp tác, bất lợi cho những người thừa kế khác. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của anh T, bà V, anh O.

Ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Thành: Nhất trí với phần trình bày của Luật sư N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người N hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung, đề nghị: Đình chỉ toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Thanh D, bác đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn N O. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh D, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn N O trong thời gian luật định và hợp lệ.

Ngày 17/3/2021 Nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh D rút toàn bộ kháng cáo. Việc rút đơn kháng cáo của ông D là tự nguyện nên được HĐXX chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn N O kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm:

Hội đồng xét xử xét thấy:

Về di sản thừa kế:

Căn cứ vào lời khai của các Nguyên đơn và các nhân chứng cùng tài liệu thu thập được: Xét thấy D tích đất 8.366m² đất tại thửa đất số 34,35 tờ bản đồ 08 tại xóm Miều, xã T (nay là tổ dân phố Miều, phường T), thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình là di sản của ông Nguyễn Văn J và bà Nguyễn Thị R để lại. Trên

thực tế, từ năm 1970 đến năm 1972, ông Nguyễn Văn J, bà Nguyễn Thị R khai hoang được. Năm 1991 khi tự kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Văn T đã tự kê D tích đất 3.609m². Đến năm 2000 Nhà nước có chủ trương cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo D tích thực tế hiện có và được đo lại bằng máy móc chính quy thì D tích thửa đất số 92 tờ bản đồ 08 (di sản của ông bà J R để lại) đã tăng Ln 8.366m², D tích tăng này không phải do ông T khai phá được mà do đo đạc chính quy của nhà nước, nên D tích này đã tăng. Thực tế khu đất này không thay đổi về D tích địa giới, hơn nữa theo lời khai của các nhân chứng thì năm 1970-1972 đã có danh giới các gia đình. Ông T khai ông khai phá năm 1972, tại phiên toà ông T lại khai ông khai phá năm 1974, việc khai trên là không phù hợp với thực tế khách quan vì ông sinh năm 1961, lúc này ông mới hơn 10 tuổi, đang là học sinh, không thể khai phá được đất, tại phiên toà phúc thẩm ông lại khai đất này do bố mẹ để lại nhưng nhiều cây đại mộc vợ chồng ông có Z tôn tạo nên mới được như bây giờ, lời khai của ông T không thống nhất. Nên việc ông khai phá thêm thửa đất số 35 là không có căn cứ.

Tại phiên toà phúc thẩm các nhân chứng của nguyên đơn và bị đơn yêu cầu triệu tập đều khẳng định D tích đất 8.366m² tại thửa đất số 34, 35 tờ bản đồ 08 tại xóm Miều, xã T(nay là tổ dân phố Miều, phường T), thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình là đất do ông J bà R khai phá.

Ông Nguyễn Văn J sinh năm 1920, bà Nguyễn Thị R sinh năm 1930 là vợ chồng và là bố mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Thanh D, ông Nguyễn Văn Thanh, bà Nguyễn Thị Thành, ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T. Năm 1980 ông J chết, Bà R quản lý đất đến năm 2009 thì bà R chết, hai ông bà chưa chia đất này cho ai và cũng không để lại di chúc phân chia đất trên cho ai.

Việc cấp sơ thẩm xác định D tích đất 8.366m² tại thửa đất số 34,35 tờ bản đồ 08 tại xóm Miều, xã T(nay là tổ dân phố Miều, phường T), thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình là di sản của ông J, bà R để lại là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

Những người được quyền thừa kế di sản:

Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, Những người được quyền thừa kế di sản của ông J và bà R là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông J và bà R gồm: bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Thanh D, ông Nguyễn Văn Thanh, bà Nguyễn Thị Thành, ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T.

Năm 2004 ông Nguyễn Văn Thanh chết và ông Thanh có 01 con trai là Nguyễn Thanh Bình (Nguyễn Văn Bình). Theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định anh Bình là người thừa kế thế vị của ông Thanh.

Việc cấp sơ thẩm xác định những người được quyền thừa kế di sản của ông J, bà R gồm: bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Thanh D, bà Nguyễn Thị Thành, ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Thanh Bình (Nguyễn Văn Bình) là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Thanh D yêu cầu giao thừa đất số 34, 35 tờ bản đồ 08 tại tổ dân phố Miêu, phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình cho ông Nguyễn Thanh D quản lý, quyết định và ông sẽ thanh toán cho những người khác phần giá trị di sản mà họ được hưởng bằng tiền, vì ông cho rằng nếu giao thừa đất số 34, 35 cho ông T quản lý thì ông T sẽ không hợp tác thanh toán phần giá trị di sản cho những người khác, vì bản thân ông T không Món chia di sản thừa kế của bố mẹ: Xét thấy D tích đất 8.366m² thừa đất số 34, 35 đã nằm trong khu quy hoạch của Ban quản lý D án sân Golf và Ban quản lý D án sân Golf đã Ln phương án bồi thường số tiền là 2.793.200.000 đồng (*hai tỉ, bảy trăm chín mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng*), khi nào giải quyết xong vụ án thì Ban quản lý D án sân Golf sẽ chi trả, hiện nay sân golf đã đi vào hoạt động, nếu không có tranh chấp thì D tích đất này đã được sân golf chi trả, hơn nữa ông D là anh trai cả trong 07 anh chị em, ông là người quy tụ được anh em, giữ mối đoàn kết trong anh em, bảo đảm quyền lợi của những người thừa kế khác nên việc cấp sơ thẩm giao D tích đất 8.366 m² thừa đất số 34, 35 tờ bản đồ 08 tổ dân phố Miêu, phường T, thành phố Hoà Bình cho ông Nguyễn Thanh D quản lý, quyết định toàn bộ, cho đến khi Ban quản lý D án sân Golf thanh toán và ông D có nghĩa vụ thanh toán cho những người khác phần giá trị di sản mà họ được hưởng bằng tiền là có căn cứ pháp luật.

Việc ông Nguyễn Văn F cho rằng hiện nay ông T không có chỗ ở là không đúng, bởi lẽ theo biên bản xác minh ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình thì hiện nay ông T cùng bà V và anh O đang sinh sống tại căn nhà xây hai tầng tại tổ dân phố Q, phường T, thành phố Hoà Bình, ông T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Miêu, xã T (nay là tổ dân phố Miêu, phường T) nhưng ông T không có nhà ở và cũng không sinh sống tại tổ dân phố Miêu, phường T. Nên việc ông F đề nghị giao đất cho ông T quản lý, sử dụng do hiện nay ông T không có chỗ ở là không có cơ sở để chấp nhận.

Xét thấy ông Nguyễn Văn T là người có Z chăm sóc mẹ già, có Z tôn tạo, duy trì, quản lý khối di sản nên việc cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn yêu cầu chia cho ông T phần nhiều hơn, phần di sản còn lại, sau khi đã trừ đi phần chia cho ông T, đề nghị chia cho ông D, bà D, bà Thành, ông Z, bà H và anh Bình mỗi người một phần bằng nhau là có cơ sở. Tuy nhiên việc cấp sơ thẩm chia cho ông T 30% giá trị di sản thừa kế, 70% di sản thừa kế còn lại chia đều cho ông D, bà D, bà Thành, ông Z, bà H và anh Bình là chưa phù hợp pháp luật. Nên cần chia tăng thêm 10 % giá trị di sản thừa kế cho ông T, cụ

thể chia cho ông Nguyễn Văn T 40% giá trị di sản thừa kế, 60% di sản thừa kế còn lại chia đều cho bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Thanh D, bà Nguyễn Thị Thành, ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thanh Bình (Nguyễn Văn Bình).

Hiện nay trên thửa đất số 34, 35 tờ bản đồ 08 tại tổ dân phố Miêu, phường T, thành phố Hòa Bình ông Nguyễn Văn T còn tài sản là: 01 nhà tạm mái lợp tôn D tích $6,0 \times 5,5 = 33\text{m}^2$ và các cây cối gồm: 02 cây cọ (đường kính mỗi cây 35cm), 02 cây keo (đường kính mỗi cây 42cm), keo mới trồng 100 cây (đường kính mỗi cây nhỏ hơn 3cm), 300 cây tre (đường kính mỗi cây nhỏ hơn 3cm), 02 cây khế, (theo biên bản định giá tài sản ngày 27/9/2017). Đây không phải di sản do ông J bà R để lại. Cấp sơ thẩm không tuyên buộc ông T phải phá dỡ, di chuyển 01 căn nhà tạm mái lợp tôn và toàn bộ cây cối trên ra khỏi thửa đất 34, 35 là thiếu sót. Vấn đề này cần được khắc phục ở cấp phúc thẩm.

Từ những nhận định trên có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn N O.

Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn T về việc ông cho rằng thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản ông Nguyễn Văn J để lại đã hết theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự 2015:

Hội đồng xét xử xét thấy: Kể từ ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30-6-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính thì từ ngày 01-01-2017, Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 về thời hiệu thừa kế để thụ lý, giải quyết vụ án dân sự “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Theo đó, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10-9-1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là: thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10-9-1990. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện chưa hết là có căn cứ.

Đối với yêu cầu nhập vụ án dân sự sơ thẩm số 30/2019/TLST-DS ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình với vụ án này để giải quyết theo thẩm quyền của ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn F:

Hội đồng xét xử xét thấy: Phía nguyên đơn và tập đoàn G cho rằng tài sản trên thửa đất 34,35 là tài sản do ông Nguyễn Văn T tạo lập mà có, không phải di sản thừa kế do ông J, bà R để lại, Bản thân ông T, ông F cũng khẳng định như trên. Việc ông T cho rằng Tập đoàn G trong quá trình thi Z và vận hành sân golf T đã làm thiệt hại đến tài sản đó, nên khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại. Xét thấy chỉ đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên toà sơ thẩm, Toà sơ thẩm tuyên nghị án thì ông T, ông F mới yêu cầu nhập vụ án và đây là tranh chấp độc lập. Nên căn cứ Điều 42, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự cấp sơ thẩm không nhập vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu định giá lại tài sản của ông Nguyễn Văn F:

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Toà án đã N hành định giá tài sản đối với D tích đất 8.366m² tại thửa đất số 34, 35 tờ bản đồ 08 tại xóm Miêu, xã T (nay là tổ dân phố Miêu, phường T), thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình theo đúng trình tự, thủ tục, quy định tại Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi có kết quả định giá tài sản, ông F và các đương sự không có khiếu nại gì, tại phiên toà sơ thẩm ông Nguyễn Văn T cũng đồng ý với kết quả định giá tài sản. Nên yêu cầu định giá lại tài sản của ông Nguyễn Văn F là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Tại phiên toà người liên quan là anh Nguyễn N O đề nghị huỷ án sơ thẩm nhưng không nêu được những căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên toà bà V yêu cầu được chia di sản thừa kế và Z chăm sóc mẹ già. Xét thấy bà V không thuộc D thừa kế nên không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những nhận định trên: Đình chỉ toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Thanh D; Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn N O. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.

[3].Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị D đến nay đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị D.

Các đương sự Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh Bình (Tức Nguyễn Văn Bình), Nguyễn Thị Thành, Nguyễn Văn Z, Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những căn cứ, nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3, Điều 289; khoản 2 Điều 308, điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

[1] Đình chỉ toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Thanh D.

[2] Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn N O. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình, cụ thể:

Áp dụng các điều 623, 649, 650, 651, 652 , 660, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội; Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990; khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30-6-2016 và Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ, khoản 1 Điều 12, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, nay tuyên xử như sau:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thanh Bình (Tức Nguyễn Văn Bình), Đinh Thị Lưu, Nguyễn Thị Thành, Nguyễn Văn Z, Nguyễn Thị H; Chia di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn J, bà Nguyễn Thị R để lại.

2/ Xác định D tích 8.366 m² đất tại thửa đất số 34,35 tờ bản đồ 08 tại xóm Miêu, xã T (nay là tổ dân phố Miêu, phường T), thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình là di sản của ông Nguyễn Văn J và bà Nguyễn Thị R, di sản có giá trị là 2.793.200.000 đồng (*hai tỉ, bảy trăm chín mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng*).

3/ Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Nguyễn Văn J là năm 1990 và bà Nguyễn Thị R là năm 2009. Thời điểm mở thừa kế chung của ông Nguyễn Văn J, bà Nguyễn Thị R là năm 2009.

4/ Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn J và bà Nguyễn Thị R gồm: Ông Nguyễn Thanh D, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Thành, ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Thanh là những người được quyền thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn J và bà Nguyễn Thị R.

Do ông Nguyễn Văn Thanh chết năm 2004 nên người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn Thanh là **ông Nguyễn Thanh Bình (Tức Nguyễn Văn Bình)**

5/ Chia cho ông Nguyễn Văn T 40% giá trị di sản thừa kế quy đổi bằng tiền như sau:

160m^2 đất ở x $3.000.000$ đồng/ m^2 = $480.000.000$ đồng (*bốn trăm tám mươi triệu đồng*).

$3.186,4\text{ m}^2$ đất vườn, ao x 200.000 đồng/ m^2 = $637.280.000$ đồng (*sáu trăm ma mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng*)

Tổng cộng Ông T được hưởng là $1.117.280.000$ đồng (*một tỉ, một trăm mười bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng*)

6/ Đối với 60% di sản thừa kế còn lại, (240m^2 đất ở x $3.000.000$ đồng/ m^2 = $720.000.000$ đồng (*bảy trăm hai mươi triệu đồng*); $4.779,6\text{ m}^2$ đất vườn, ao x 200.000 đồng/ m^2 = $955.920.000$ đồng (*chín trăm năm mươi năm triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng*)) nay chấp nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn, chia đều cho các nguyên đơn mỗi người một phần bằng nhau như sau:

- Ông Nguyễn Thanh D được hưởng $279.320.000$ đồng (*Hai trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng*);

- Bà Nguyễn Thị D được hưởng $279.320.000$ đồng (*Hai trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng*);

- Ông Nguyễn Thanh Bình (tức Nguyễn Văn Bình) được hưởng: $279.320.000$ đồng (*Hai trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng*);

- Bà Nguyễn Thị Thành được hưởng: $279.320.000$ đồng (*Hai trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng*);

- Ông Nguyễn Văn Z được hưởng: $279.320.000$ đồng (*Hai trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng*);

- Bà Nguyễn Thị H được hưởng $279.320.000$ đồng (*Hai trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng*);

7/ Giao cho ông Nguyễn Thanh D quyền quản lý và quyết định đối với toàn bộ D tích 8.366m^2 đất thửa đất số 34,35 tờ bản đồ 08 tại xóm Miều, xã T (nay là Tổ dân phố Miều, phường T), thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, cho đến khi Ban quản lý D án sân Golf thanh toán và ông D có nghĩa vụ thanh toán cho những người khác phần giá trị di sản mà họ được hưởng bằng tiền, cụ thể:

Ông Nguyễn Thanh D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T $1.117.280.000$ đồng (*một tỉ, một trăm mười bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng*) đã tuyên trong quyết định này.

Ông Nguyễn Thanh D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Thanh Bình (tức Nguyễn Văn Bình), bà Nguyễn Thị Thành, ông Nguyễn Văn Z, bà Nguyễn Thị H mỗi người $279.320.000$ đồng (*Hai trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng*) như đã tuyên trong quyết định này.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành.

8/ Kiến nghị UBND thành phố Hòa Bình; Cơ quan có thẩm quyền hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Kỳ Sơn (Trước đây) cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T (Cấp ngày 27/9/2000; vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00383QSDĐ/KS).

9/ Buộc ông Nguyễn Văn T phải phá dỡ, di chuyển toàn bộ tài sản là: 01 nhà tạm mái lợp tôn D tích $6,0 \times 5,5 = 33\text{m}^2$ và các cây cối gồm: 02 cây cọ (đường kính mỗi cây 35cm), 02 cây keo (đường kính mỗi cây 42cm), keo mới trồng 100 cây (đường kính mỗi cây nhỏ hơn 3cm), 300 cây tre (đường kính mỗi cây nhỏ hơn 3cm), 02 cây khế ra khỏi D tích 8.366m^2 đất tại thửa đất số 34,35 tờ bản đồ 08 tại xóm Miêu, xã T (nay là Tổ dân phố Miêu, phường T), thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

10/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị D.

- Ông Nguyễn Văn T phải chịu 45.518.400 đồng (*bốn mươi lăm triệu, năm trăm mười tám nghìn, bốn trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0007038 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình. Nay được khấu trừ, ông Nguyễn Văn T còn phải nộp số tiền 45.218.400 đồng (*bốn mươi lăm triệu, hai trăm mười tám nghìn, bốn trăm đồng*).

- Các đương sự Nguyễn Thanh Bình (Tức Nguyễn Văn Bình), Nguyễn Thị Thành, Nguyễn Văn Z, Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 13.966.000 đồng (*mười ba triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí.

Trả lại ông Nguyễn Thanh D 1.300.000 đ (*một triệu ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, theo biên lai thu tiền số 0003036 ngày 21/02/2017 và theo biên lai thu tiền số 0004032 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn N O mỗi người 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tương ứng theo Biên lai thu số: 0007040 ngày 09/10/2020, 0007039 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình.

11/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

12/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 19/3/2021

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại HN
- VKSND cấp cao tại HN
- VKSND tỉnh Hòa Bình
- TAND TP Hoà Bình, tỉnh HB
- Chi cục THADS TP Hoà Bình, tỉnh HB
- Các đương sự
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Đoàn